

Số: 78 /KH-BCĐ

Bim Sơn, ngày 08 tháng 01 năm 2019

## KẾ HOẠCH

### **Triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi và mùa Lễ hội Xuân 2019**

Thực hiện Kế hoạch số 221/KH-BCĐ ngày 27/12/2018 của Ban chỉ đạo về quản lý Vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh Thanh Hóa về việc triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi và mùa Lễ hội Xuân năm 2019;

Căn cứ tình hình thực tế công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, Ban chỉ đạo về quản lý Vệ sinh an toàn thực phẩm Thị xã xây dựng kế hoạch cụ thể sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:**

##### **1. Mục đích:**

- Đảm bảo an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi và mùa Lễ hội Xuân năm 2019 phục vụ nhân dân đón tết vui xuân an toàn, đảm bảo sức khỏe; đồng thời đảm bảo phát triển và cạnh tranh lành mạnh của các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu thực phẩm trên địa bàn Thị xã.

- Đảm bảo an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến, kinh doanh, nhập khẩu và sử dụng thực phẩm; tăng cường kiểm soát, xử lý việc sản xuất, kinh doanh thực phẩm giả, kém chất lượng.

- Hạn chế tối đa các vụ ngộ độc thực phẩm lớn, các sự cố về ATTP trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi và mùa Lễ hội Xuân năm 2019.

##### **2. Yêu cầu:**

- Huy động tối đa các kênh tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm cũng như các kiến thức trong lựa chọn, bảo quản, chế biến và tiêu dùng thực phẩm đến người dân.

- Thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành từ cấp Thị xã đến các xã, phường tập trung kiểm tra các nhóm sản phẩm tiêu thụ nhiều trong dịp Tết và lễ hội có yếu tố nguy cơ cao như: Rượu, bia, nước giải khát, bánh, mứt, kẹo, rau, củ, quả, thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản và các sản phẩm thực phẩm khác; Kiểm soát việc sử dụng chất cấm, chất ngoài danh mục cho phép, không rõ nguồn gốc, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc kháng sinh trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; trong giết mổ gia súc, gia cầm; sử dụng hóa chất trong sơ chế, chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản.

- Kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, không gây khó khăn, phiền hà, làm

cản trở hoạt động bình thường của cơ sở được kiểm tra.

## **II. THỜI GIAN VÀ PHẠM VI TRIỂN KHAI:**

- Thời gian: 10/01/2019 đến hết ngày 25/3/2019

- Phạm vi triển khai: Toàn thị xã.

## **III. CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI:**

### **1. Hoạt động truyền thông (Phụ lục 1)**

- Phổ biến kế hoạch triển khai công tác bảo đảm ATTP Tết nguyên đán Kỷ Hợi và mùa Lễ hội Xuân năm 2019.

- Huy động mọi nguồn lực, mọi hình thức, phương tiện truyền thông thích hợp để phổ biến các quy định về ATTP, kiến thức về ATTP; phòng ngừa ngộ độc thực phẩm, kịp thời cảnh báo nguy cơ mất an toàn thực phẩm trong dịp trước, trong và sau Tết nguyên đán cũng như mùa Lễ hội Xuân năm 2019.

- Phát huy vai trò của Hội Nông dân, Hội Phụ nữ các cấp trong các hoạt động truyền thông về đảm bảo an toàn thực phẩm nhằm triển khai thực hiện Chương trình phối hợp 526/CTPH-CP-HNDVN-LHHPNVN về tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2017-2020 giữa Chính phủ - Hội nông dân Việt Nam - Liên hiệp hội phụ nữ Việt Nam.

### **2. Công tác kiểm tra (Phụ lục 2)**

- Cấp Thị xã: thành lập 1 Đoàn kiểm tra liên ngành VSATTP Thị xã thành phần bao gồm: Phòng Y tế, Phòng Kinh tế, Đội Quản lý thị trường số 5, Công an thị xã, Trung tâm Y tế Bim Sơn, mời Ủy ban Mặt trận tổ quốc tham gia cùng đoàn.

- Cấp xã, phường: Thành lập các đoàn kiểm tra tổ chức kiểm tra các cơ sở kinh doanh, sản xuất trên địa bàn theo phân cấp quản lý. Việc kiểm tra tránh sự chồng chéo, trùng lặp, kiểm tra không quá 01 lần/năm tại các cơ sở, mời Mặt trận tổ quốc tham gia kiểm tra theo Chương trình phối hợp số 110/CTrPH/UBND-MTTQ của UBND tỉnh và Ủy ban mặt trận tổ quốc tỉnh về phối hợp vận động và giám sát bảo đảm an toàn giai đoạn 2016-2020.

### **3. Tổng kết, báo cáo:**

- Đoàn kiểm tra liên ngành VSATTP thị xã; Ban chỉ đạo xã, phường gửi báo cáo nhanh kết quả thanh tra, kiểm tra trước ngày 23/1/2019 (theo mẫu số 2). Ban chỉ đạo Thị xã tổng hợp báo cáo nhanh kết quả kiểm tra của Thị xã và xã, phường trước ngày 24/1/2019 (theo mẫu số 2).

- Ban chỉ đạo các xã, phường gửi báo cáo công tác bảo đảm ATTP trước trong và sau Tết nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019 về Văn phòng Điều phối VSATTP (Phòng Y tế - cơ quan thường trực) Thị xã trước ngày 11/2/2019 (theo mẫu số 1) để tổng hợp báo cáo Ban chỉ đạo Thị xã và Ban chỉ đạo Tỉnh.

- Ban chỉ đạo các xã, phường gửi báo cáo công tác bảo đảm ATTP mua

Lễ hội Xuân năm 2019 về Văn phòng Điều phối VSATTP (Phòng Y tế - cơ quan thường trực) Thị xã trước ngày 23/3/2019 (theo mẫu số 1) để tổng hợp báo cáo Ban chỉ đạo Thị xã và Ban chỉ đạo Tỉnh.

#### **IV. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI**

##### **1. Cấp Thị xã:**

###### **a. Cơ quan chủ trì:**

Văn phòng Điều phối VSATTP thị xã là đầu mối giúp Ban chỉ đạo Thị xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này và tổng hợp báo cáo Trưởng Ban chỉ đạo, UBND thị xã, Ban chỉ đạo Tỉnh.

###### **b. Cơ quan, đơn vị phối hợp:**

- Thành viên Ban chỉ đạo thị xã;
- Mời Ủy ban Mặt trận tổ quốc Thị xã tham gia đoàn kiểm tra.

##### **2. Cấp xã, phường:**

###### **a. Cơ quan chủ trì:**

- Ủy ban nhân dân xã, phường;

- Ban Nông nghiệp/Kinh tế là đầu mối giúp Ban chỉ đạo xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này và tổng hợp báo cáo Trưởng Ban chỉ đạo, UBND xã, phường, Ban chỉ đạo Thị xã.

###### **b. Cơ quan, đơn vị phối hợp:**

- Thành viên Ban chỉ đạo xã, phường;
- Mời Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã, phường tham gia đoàn kiểm tra.

Trên đây là kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi và mùa Lễ hội Xuân năm 2019, Ban chỉ đạo quản lý về Vệ sinh an toàn thực phẩm Thị xã đề nghị các ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường nghiêm túc triển khai có hiệu quả.

##### **Nơi nhận**

- BCĐ quản lý VSATTP tỉnh (để B/c);
- Chủ tịch, Các PCT UBND Thị xã (để báo cáo);
- Văn phòng Điều phối VSATTP Thị xã;
- Thành viên BCĐ VSATTP Thị xã (để T/h);
- BCĐ VSATTP các xã, phường (để T/h);
- Lưu: VT, YT.



**CHỦ TỊCH UBND THỊ XÃ**  
**Bùi Huy Hùng**

## PHỤ LỤC 1

### Hướng dẫn triển khai công tác tuyên truyền bảo đảm An toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Kỷ Hợi và mùa Lễ hội Xuân 2019

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 48 /KH-BCĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019  
của Ban chỉ đạo quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm thị xã Bim Sơn)

#### I. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN TRUYỀN THÔNG:

1. Chính quyền các cấp, cán bộ quản lý.
2. Người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm.
3. Người tiêu dùng thực phẩm

#### II. THỜI GIAN THỰC HIỆN: tháng 1/2019

#### II. NỘI DUNG TRUYỀN THÔNG:

##### 1. Đối với người tiêu dùng thực phẩm:

- Hướng dẫn cách chọn mua thực phẩm an toàn;
- Hướng dẫn cách kiểm tra nhãn sản phẩm thực phẩm;
- Tuyên truyền không mua thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh không đảm bảo an toàn; không mua sản phẩm thực phẩm không rõ nguồn gốc, có dấu hiệu ôi thiu, mốc, hỏng; không nên mua, tích trữ quá nhiều thực phẩm trong ngày tết để tránh sử dụng sản phẩm không tươi, mất dinh dưỡng hoặc mốc hỏng.

- Tuyên truyền phòng ngừa ngộ độc rượu trong dịp Tết: Không uống cồn công nghiệp vì có thể gây mù mắt và tử vong; không lạm dụng rượu, bia trong ngày Tết; không uống ngâm với lá, rễ cây, phủ tạng động vật không rõ độc tính hay rượu ngâm theo kinh nghiệm cá nhân; không uống rượu khi: không biết đó là rượu gì, rượu không có nguồn gốc, rượu không công bố tiêu chuẩn chất lượng, đang đói, mệt hoặc đang uống thuốc điều trị, trẻ em dưới 18 tuổi không được uống rượu, bia.

- Tuyên truyền phòng ngừa ngộ độc các loại nấm; phân biệt nấm lạ, nấm độc.
- Hướng dẫn khai báo khi bị ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm.

- Thông tin về cơ sở thực phẩm (tên, địa chỉ) vi phạm về an toàn thực phẩm để nhân dân biết và tránh sử dụng các thực phẩm không đảm bảo an toàn; thông tin danh sách, địa chỉ sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn.

##### 2. Đối với người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm:

- Tuyên truyền, phổ biến các qui định về điều kiện vệ sinh cơ sở, trang thiết bị, dụng cụ trong sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đặc biệt bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh, bảo quan các sản phẩm nem, giò, chả, bánh trứng, bánh kẹo, mứt cổ truyền, rau, quả, thủy sản...

- Truyền truyền sử dụng nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, được phép sử dụng, đúng liều lượng, đúng đối tượng qui định.

- Tuyên truyền phổ biến các qui định về sản xuất, kinh doanh rượu theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Tuyên truyền phổ biến các mô hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm, các sản phẩm, chuỗi thực phẩm an toàn, các sản xuất sản phẩm thực phẩm an toàn.

- Công khai tên, địa chỉ cơ sở, cá nhân vi phạm về ATTP trên thông tin đại chúng nhằm cảnh cáo, răn đe, ngăn chặn các hành vi sản xuất, kinh doanh thực phẩm trái pháp luật.

##### 3. Đối với lãnh đạo chính quyền các cấp:

- Phổ biến Kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm Tết

Nguyên đán Kỷ Hợi và mùa Lễ hội Xuân 2019.

- Tuyên truyền các văn bản qui phạm pháp luật của Trung ương, địa phương và các văn bản liên quan đến công tác quản lý an toàn thực phẩm.

- Thông tin đầy đủ, kịp thời về tình hình đảm bảo ATTP Tết nguyên đán và mùa Lễ hội Xuân, công tác quản lý nhà nước về ATTP như: Hoạt động kiểm tra, thanh tra, phân loại, xử lý vi phạm tại các cơ sở thực phẩm.

- Nêu cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền các cấp, người đứng đầu các đơn vị, cơ quan trong việc quản lý an toàn thực phẩm tại các xã, phường, khu lễ hội trong mùa lễ hội

### **III. CÁC KÊNH TRUYỀN THÔNG:**

- Kênh truyền thông đại chúng: Đài phát thanh, truyền hình thị xã dành nhiều thời gian, thời lượng phát sóng tuyên truyền về ATTP. Đặc biệt là hệ thống đài truyền thanh ở xã, phường, khu phố để tập trung tuyên truyền về vệ sinh an toàn thực phẩm trong dịp Tết nguyên đán Kỷ Hợi và mùa lễ hội Xuân năm 2019. Viết các bài phổ biến kiến thức về ATTP Tết, lễ hội. Phổ biến các nội dung của Luật và các văn bản hướng dẫn liên quan công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Kênh truyền thông trực tiếp: Tăng cường truyền thông trực tiếp thông qua đội ngũ cán bộ y tế, giáo dục, các ban ngành, đoàn thể (như Mặt trận tổ quốc, Hội chữ thập đỏ, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, lực lượng vũ trang, cộng tác viên y tế thôn, bản...) với các hình thức để tiếp thu như hướng dẫn thực hành cụ thể theo nhóm, nói chuyện.

- Các kênh truyền thông khác: treo băng - rôn, áp phích, tờ rơi, pa nô, khẩu hiệu tuyên truyền tại nơi tập trung đông dân cư, khu công nghiệp.

### **IV. KHÂU HIỆU CỦA ĐỢT TUYÊN TRUYỀN ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM TẾT NGUYÊN ĐÁN KỶ HỢI VÀ MÙA LỄ HỘI 2019**

1. *Bảo đảm chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm vừa là trách nhiệm vừa là quyền lợi của doanh nghiệp.*

2. *Vì sức khỏe và phát triển bền vững, hãy sản xuất ra những sản phẩm thực phẩm chất lượng an toàn.*

3. *Để bảo vệ sức khỏe của bạn hãy lựa chọn, chế biến và tiêu dùng thực phẩm an*

4. *Lành đạo chính quyền các cấp, người đứng đầu các tổ chức, cơ quan hãy nêu cao vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác bảo đảm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.*

5. *Không sử dụng phẩm màu độc hại, các chất phụ gia, hóa chất ngoài danh mục cho phép trong sản xuất, chế biến thực phẩm.*

6. *Mỗi người tiêu dùng hãy là một giám sát viên, đấu tranh với các hành vi vi phạm chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm.*

7. *Bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm mùa lễ hội là trách nhiệm của chính quyền các cấp.*

8. *Hiểu và thực hiện đúng Luật An toàn thực phẩm là trách nhiệm và lợi ích của doanh nghiệp và cộng đồng.*

9. *Không lạm dụng rượu bia để Tết Mậu tuất an toàn, vui vẻ.*

10. *Không uống rượu khi: không biết đó là rượu gì, rượu không có nguồn gốc, rượu không công bố tiêu chuẩn chất lượng.*

11. *Tuyệt đối không được ăn nấm lạ, nấm hoang dại, nấm non chưa xòe mũ và nấm đã bị dập nát, ôi thiu.*

## PHỤ LỤC 2

### Hướng dẫn chi tiết triển khai thanh tra, kiểm tra liên ngành an toàn thực phẩm trong dịp Tết Kỷ Hợi và mùa Lễ Hội Xuân năm 2019 (Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 78 /KH-BCĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019

của Ban chỉ đạo về quản lý VSATTP thị xã Bim Sơn)

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

- Đánh giá việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống (sau đây gọi chung là cơ sở thực phẩm)

- Thông qua việc thanh tra, kiểm tra kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các vi phạm về an toàn thực phẩm, hạn chế ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

### 2. Yêu cầu

- Kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những mặt hàng được sử dụng nhiều trong dịp tết Nguyên đán và trong các Lễ hội như thịt, sản phẩm từ thịt, bia, rượu, nước giải khát, bánh, mứt, kẹo, rau, củ, quả... các cơ sở sản xuất và kinh doanh dịch vụ ăn uống.

- Trong quá trình thanh tra, kiểm tra kết hợp làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức, pháp luật về an toàn thực phẩm, nâng cao nhận thức và ý thức của cộng đồng trong công tác bảo đảm ATTP; xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân vi phạm.

## II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG

### 1. Đối tượng thanh tra, kiểm tra

Đối tượng thanh tra, kiểm tra chủ yếu là các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; tập trung vào những cơ sở sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm được sử dụng nhiều trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi và mùa lễ hội Xuân 2019 như thịt, sản phẩm từ thịt, bia, rượu, nước giải khát, bánh, mứt, kẹo, các cơ sở dịch vụ ăn uống.

### 2. Nội dung thanh tra, kiểm tra

Theo tiêu mục 2.2. mục 2 phần II của Kế hoạch số 2608/KH-BCĐ ngày 14/12/2018 của BCĐ QL VSATTP thị xã.

### 3.3. Thời gian thực hiện: Từ 10/1-20/3/2019.

## III. XỬ LÝ VI PHẠM:

### 1. Căn cứ để xử lý vi phạm:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;
- Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012.
- Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH1 và Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ

sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

- Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

- Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ qui định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ qui định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

- Nghị định 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ qui định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

- Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo.

- Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng gia, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/7/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Các Nghị định khác quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

## **2. Thực hiện xử lý vi phạm**

- Các đoàn thanh tra, kiểm tra khi phát hiện vi phạm phải xử lý nghiêm, dứt điểm theo đúng quy định của pháp luật, tuyệt đối không để các sản phẩm không bảo đảm ATTP, không rõ nguồn gốc, không đúng quy định về ghi nhãn hoặc có các vi phạm khác lưu thông trên thị trường; không để các sản phẩm quảng cáo sai quy định tiếp tục lưu hành; không để các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố không bảo đảm ATTP tiếp tục hoạt động khi chưa thực hiện các biện pháp khắc phục có hiệu quả.

- Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm, khi cần thiết, các đoàn của tuyến trên chuyển hồ sơ vi phạm cho cơ quan chức năng của địa phương nơi có cơ sở được thanh tra, kiểm tra để xử lý theo quy định.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-.....

Bim Son, ngày tháng năm 2019

**BÁO CÁO**

**Triển khai Kế hoạch bảo đảm an toàn thực phẩm  
trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ hợi và mùa Lễ hội Xuân năm 2019**

**I. Công tác chỉ đạo:**

**II. Các hoạt động triển khai**

**1. Hoạt động truyền thông:**

| STT | Hoạt động              | Số lượng/buổi | Số lượng người tham dự/phạm vi bao phủ |
|-----|------------------------|---------------|--|
| 1   | Nói chuyện             |               |  |
| 2   | Tập huấn               |               |  |
| 3   | Hội thảo               |               |  |
| 4   | Phát thanh: Thị xã     |               |  |
|     | Phát thanh: xã, phường |               |  |
| 5   | Bản tin: Thị xã        |               |  |
|     | Bản tin: xã, phường    |               |  |
| 7   | Sản phẩm truyền thông  |               |  |
|     | Băng zôn, khẩu hiệu    |               |  |
|     | Tranh áp phích         |               |  |
|     | Tờ gấp                 |               |  |
|     | Băng, đĩa hình         |               |  |
|     | Băng, đĩa ghi âm       |               |  |
|     | Khác                   |               |  |
| 8   | Hoạt động khác         |               |  |

**2. Hoạt động kiểm tra: (theo mẫu 3)**

**III. Tình hình ngộ độc thực phẩm: (Từ ngày 10/01 – 25/3/2019)**

| STT | Chỉ số      | Năm 2019 | Số cùng kỳ năm 2018 | So sánh |
|-----|-------------|----------|---------------------|---------|
| 1   | Số vụ (ca)  |          |                     |         |
| 2   | Số mắc (ca) |          |                     |         |



|   |                      |  |  |  |
|---|----------------------|--|--|--|
| 3 | Số chết (người)      |  |  |  |
| 4 | Số đi viện (ca)      |  |  |  |
| 5 | Nguyên nhân (cụ thể) |  |  |  |

**IV. Đánh giá chung:**

**1. Ưu điểm**

**2. Hạn chế, tồn tại, nguyên nhân**

**V. Kiến nghị, đề xuất**

*Nơi nhận:*

-

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



|   |                   |  |  |  |  |  |  |  |  |
|---|-------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|
|   | doanh TP          |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Cơ sở KD<br>DV ẦU |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   | Tổng số           |  |  |  |  |  |  |  |  |

Bảng 2: Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm

|     | Tổng hợp tình hình vi phạm                          | Số lượng | Tỷ lệ % so với số được kiểm tra |
|-----|---|----------|---------------------------------|
| 1   | Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra              |          |                                 |
| 2   | Số cơ sở có vi phạm                                 |          |                                 |
| 3   | Số cơ sở vi phạm bị xử lý                           |          |                                 |
|     | Trong đó  |          |                                 |
| 3.1 | Hình thức phạt chính:                               |          |                                 |
|     | Số cơ sở bị cảnh cáo                                |          |                                 |
|     | Số cơ sở bị phạt tiền                               |          |                                 |
|     | Tổng số tiền phạt                                   |          |                                 |
| 3.2 | Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả |          |                                 |
| *   | Số cơ sở bị đóng cửa                                |          |                                 |
| *   | Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm              |          |                                 |
|     | Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành                    |          |                                 |
| *   | Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm                       |          |                                 |
|     | Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy                   |          |                                 |
| *   | Số cơ sở phải khắc phục về nhãn                     |          |                                 |
|     | Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục             |          |                                 |
| *   | Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu q/cáo        |          |                                 |

|     |   |  |  |
|-----|---|--|--|
|     | Số loại tài liệu q/cáo bị đình chỉ lưu hành             |  |  |
| *   | Các xử lý khác  |  |  |
| 3.3 | Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý                    |  |  |
| 3.4 | Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý<br>(chỉ nhắc nhở) |  |  |

Bảng 3. Nội dung vi phạm chủ yếu

| TT | Nội dung vi phạm                     | Số CS được thanh tra | Số CS vi phạm | Tỷ lệ % |
|----|--------------------------------------|----------------------|---------------|---------|
| 1  | Điều kiện vệ sinh cơ sở              |                      |               |         |
| 2  | Điều kiện trang thiết bị dụng cụ     |                      |               |         |
| 3  | Điều kiện con người                  |                      |               |         |
| 4  | Công bố hợp qui/Phù hợp với qui định |                      |               |         |
| 5  | Ghi nhãn sản phẩm                    |                      |               |         |
| 6  | Quảng cáo sản phẩm                   |                      |               |         |
| 7  | Chất lượng sản phẩm thực phẩm        |                      |               |         |
| 8  | Vi phạm khác (ghi rõ)                |                      |               |         |

Bảng 4: Kết quả kiểm nghiệm mẫu:

| TT  | Loại xét nghiệm     | Kết quả xét nghiệm mẫu |                  |                   |
|-----|---------------------|------------------------|------------------|-------------------|
|     |                     | Tổng số mẫu xét nghiệm | Số mẫu không đạt | Tỷ lệ % không đạt |
| 1   | Xét nghiệm tại labo |                        |                  |                   |
| 1.1 | Hóa lý              |                        |                  |                   |
| 1.2 | Vi sinh             |                        |                  |                   |
| 2   | XN nhanh            |                        |                  |                   |
|     | Cộng                |                        |                  |                   |

**III. Nhận xét, đánh giá chung** (Đề nghị nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu thực tế tại các bảng từ 1-4)

**IV. Đề xuất kiến nghị (ghi cụ thể)**